

Bản án số: 23/2022/HS-ST

Ngày 11/4/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Minh Tân và bà Lê Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2022/TLST-HS, ngày 17/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/QĐXX-HS ngày 15/02/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Đức T**, sinh ngày 29/5/1978. Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Thôn 4, xã B, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Phạm Đức N (đã chết) và bà Trần Thị D, sinh năm 1945; Vợ, con: Không.

Tiền án: Có 03 tiền án:

+ Ngày 31/10/2018, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp T sản*” (Bản án số 74/2018/HSST);

+ Ngày 29/01/2019, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp T sản*” (Bản án số 08/2019/HSST);

+ Ngày 17/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp T sản*” (Bản án số 70/2019/HSST). Tổng hợp với 06 tháng tù tại Bản án số 74/2018/HSST ngày 31/10/2018 và 09 tháng tù tại Bản án số 08/2019/HSST ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang,

buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm 03 tháng tù. Ngày 08/3/2021 chấp hành xong án phạt tù.

- Tiền sự: Có 02 tiền sự:

+ Ngày 13/6/2018, Công an xã B, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 01 về hành vi “*Trộm cắp T sản và sử dụng trái phép chất ma túy*”, phạt 2.000.000 đồng.

+ Ngày 21/5/2021, UBND xã B, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời hạn 06 tháng.

- Nhân thân:

+ Ngày 21/9/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 07 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” (Bản án số 88/2007/HSST);

+ Ngày 20/9/2012, Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, Quyết định đưa người vào cai nghiện chữa bệnh tại cộng đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/11/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

* *Bị hại*: Ông **Trần Ngọc C**, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường Đội C, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 01/11/2021, Phạm Đức T, cư trú tại thôn 04, xã B, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22K8-8381 (T mượn của ông Vũ Văn Thắng, trú tại tổ dân phố 11, phường Minh Xuân, thành phố T) đến gần nhà ông Trần Ngọc C, trú tại Tổ dân phố 10, phường Đội C, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, T thấy khu vực để sắt thép, phế liệu phía trước nhà ông C mở cửa, không có người trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp sắt, thép phế liệu của nhà ông C mang đi bán lấy tiền chi tiêu. T dựng xe mô tô ở ngoài lề đường, đi bộ vào trong khu vực để sắt thép phế liệu, T bê 05 thanh thép phế liệu loại nhíp ô tô bị hỏng, trong đó: 01 thanh dài 57,5cm, rộng 8,7cm, dày 1,7cm khối lượng 5,9kg; 04 thanh cùng kích thước dài 57cm, rộng 8,7cm, dày 1,7cm, tổng khối lượng 04 thanh là 23,2kg ở trước cửa nhà ông C mang ra, để lên xe mô tô, sau đó, T quay lại khu vực để sắt, thép phế liệu nhà ông C tiếp tục trộm cắp sắt, thép phế liệu thì bị ông C phát hiện, tri hô. T bỏ chạy, nhưng bị ông C cùng người dân giữ lại và báo Công an phường Đội C giải quyết.

Kết quả xét nghiệm tìm chất ma túy trong cơ thể bị cáo ngày 01/11/2021 là dương tính, có chất ma túy trong cơ thể. Bị cáo khai nhận, ngày 31/10/2021 T mua được ma túy của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ và đã sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá T sản số 80/KL-HĐĐGTS ngày 02/11/2021 của Hội đồng định giá T sản tố tụng hình sự thành phố T, kết luận: 29,1 kg thép phế liệu (05 thanh thép phế liệu) có giá trị 314.280 đồng (*Ba trăm, mười bốn nghìn hai trăm, tám mươi đồng*).

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Phạm Đức T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; Kết luận định giá; Lời khai của bị hại, cùng các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSTP ngày 17/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân nhân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Phạm Đức T về tội: “*Trộm cắp T sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Phạm Đức T phạm tội: “*Trộm cắp T sản*”; Xử phạt bị cáo Phạm Đức T từ 09 (chín) tháng tù đến 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Tuyên nghĩa vụ chịu án phí của bị cáo và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không kêu oan, nội dung khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, không có tình tiết mới, bị cáo không có khiếu nại gì về kết luận điều tra, nhất trí với nội dung cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến đề bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo nói lời sau cùng, xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, lời khai của bị hại và các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 01/11/2021, tại khu vực để sắt thép, phế liệu phía trước nhà ông Trần Ngọc C, sinh năm 1960, ở Tổ dân phố 10, phường Đội C, thành phố T; Phạm Đức T, cư trú tại thôn 04, xã B, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, có hành vi trộm cắp 05 thanh thép phế liệu, tổng trị giá là 314.280 đồng (*Ba trăm, mười bốn nghìn, hai trăm, tám mươi đồng*) của ông C, mục đích để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu T sản là ông Trần Ngọc C để lén lút chiếm đoạt 05 thanh thép phế liệu, tổng trị giá là 314.280 đồng (*Ba trăm, mười bốn nghìn, hai trăm, tám mươi đồng*) của ông C. Trị giá T sản bị cáo trộm cắp dưới 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) nhưng bị cáo đã bị kết án về tội “*Trộm cắp T sản*” chưa được xóa án tích nên hành vi của bị cáo cấu thành tội “*Trộm cắp T sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Phạm Đức T về tội “*Trộm cắp T sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo có sức khỏe, có khả năng lao động nhưng không chịu lao động kiếm tiền chân chính mà lại trộm cắp T sản của người khác với mục đích để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về T sản được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: HĐXX nhận thấy, bị cáo có nhân thân xấu, nhiều tiền án, tiền sự, đã nhiều lần xét xử và xử phạt vì hành vi trộm cắp T sản nhưng không lấy làm bài học rút kinh nghiệm mà còn tiếp tục phạm tội, qua đó đánh giá ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo còn rất kém. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, khó có thể tự mình tu dưỡng cải tạo tại địa phương. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; trị giá T sản bị cáo chiếm đoạt cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp cần chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo các T liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập thường xuyên; không có T sản gì có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Ngọc C nhận lại T sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự nên HĐXX không xem xét trách nhiệm dân sự của bị cáo Phạm Đức T đối với ông Trần Ngọc C.

[8] Vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 thanh thép phế liệu dài 57,5cm, rộng 8,7cm, dày 1,7cm khối lượng 5,9kg; 04 thanh thép phế liệu cùng kích thước dài 57cm, rộng 8,7cm, dày 1,7cm, tổng khối lượng 23,2kg; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo màu sơn đỏ - đen biển số 22K8-8381. Ngày 27/12/2021, Cơ quan điều tra Công an thành phố T ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại 05 thanh thép phế liệu cho ông Trần Ngọc C; Trả xe mô tô biển số 22K8-8381 cho ông Vũ Văn Thắng (chủ sở hữu). Do vậy, HĐXX không xem xét xử lý vật chứng.

[9] Án phí của vụ án: Bị cáo Phạm Đức T phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Phạm Đức T phạm tội: “*Trộm cắp T sản*”;
- Xử phạt bị cáo Phạm Đức T **09 (chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 03/11/2021.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Đức T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án 11/4/2022, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Công an TP. Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vương Minh Tân – Lê Thị Thảo

Vương Thị Lan

